TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 270 /2020/DS-ST
Ngày 27/8/2020
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy D – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2019 về "Tranh chấp nợ hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2020/QĐXX-DS ngày 16 tháng 6 năm 2020; Quyết định Hoãn phiên tòa các số: 68/2020/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2020 và số: 84/2020/QĐST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1963

Địa chỉ: 119/118/16T1 Nguyễn Thị Tần, Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Có mặt)

Bị đơn: Bà Đỗ Ngọc L, sinh năm 1957

Địa chỉ: 119B/32/10T Nguyễn Thị Tần, Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Phạm Thị Phượng L, sinh năm 1968 (Có mặt);

2/ Ông Diệp Đức P, sinh năm: 1967 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 119B/32/18 Nguyễn Thị Tần, Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

3/ Bà Phan Thị H, sinh năm 1966

Địa chỉ: 119B/32/10T Nguyễn Thị Tần, Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

4/ Ông Đinh Văn K, sinh năm 1955

Địa chỉ: 119B/32/10T Nguyễn Thị Tần, Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 20 tháng 5 năm 2019, nộp tại Tòa án ngày 21/5/2019 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng D trình bày:

Do bà Nguyễn Thị Hồng D có mối quan hệ hàng xóm quen biết với bà Đỗ Ngọc L, ngày 25/9/2017 bà Loan có yêu cầu bà D choàng 02 phần hụi là 5.000.000 đồng/tháng gồm 14 phần cho người chơi cùng dây hụi với bà D. Tổng số tiền mà bà D đã đưa cho bà L là 98.400.000 đồng, bà L có ký xác nhận vào cuốn sổ của bà D (bao gồm tiền choàng hụi và tiền đóng hụi sống). Còn những người chơi hụi cụ thể trong dây hụi ngày 25/9/2017 (ngày khui hụi kỳ đầu) với bà D là ai thì bà D không biết rõ. Trong giây hụi này bà L không có chơi hụi mà chỉ đứng ra mượn tiền của bà D đưa cho người khác đang chơi trong dây hụi này (ngày đầu tiên khui hụi là ngày 25/9/2017) chủ thảo là bà Phan Thị H địa chỉ 119B/32/10T Nguyễn Thị Tần, Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D chỉ biết bà L hỏi và bà D giao tiền trực tiếp cho bà L, bà D không biết bà L nhận tiền của bà D để giao cho ai choàng hụi trong dây hụi trên và bà L cũng không nói tên người đó. Số tiền bà D trực tiếp giao cho bà L vào ngày 25/9/2017 là 84.600.000 đồng, còn những ngày khác không có ký nhận rõ ràng. Bà D chỉ yêu cầu một mình bà Đỗ Ngọc L trả nợ, không yêu cầu ai khác liên đới trả nợ với bà L, không yêu cầu chồng bà L liên đới trả nợ cho bà D và không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng nào khác. Ngày 25/9/2017 bà D giao số tiền 84.600.000 đồng và tờ giấy lịch trong đó tôi có ghi nội dung: "Hụi choàng 15T 2 phần. 14F x 3200 = 44.800.000. T (chủ hụi) 2.500.000 đ. 42.300.000đ x 2 phần = 84.600.000 đ" cho bà L, tôi đưa cuốn tập học sinh phía trên là chữ viết bằng mực màu tím của tôi để bà L ghi chị nhận đủ. Đến cuối năm 2017 bà D mới biết bà L đứng ra hỏi và nhận tiền choàng hụi dùm cho bà Phạm Thị P, sinh năm 1968, địa chỉ: 119B/32/18 Nguyễn Thị Tần, Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại đơn khởi kiện bà D yêu cầu bà L có trách nhiệm thanh toán số tiền hụi mà bà D đã nhận choàng thay cho bà Phạm Thị Phượng L là 98.400.000 đ (chín

mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng), không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Hồng D thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu tranh chấp nợ hụi đã choàng mà chỉ yêu cầu bà Đỗ Ngọc L trả lại số tiền là 84.600.000 đồng (tám mươi bốn triệu sáu trăm ngàn đồng) mà bà L đã nhận trực tiếp của bà D vào ngày 25/9/2017. Từ ngày 25/9/2017 cho đến nay bà L vẫn còn nợ số tiền 84.600.000 đồng của bà D và bà L cố tình lánh mặt nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đỗ Ngọc L phải trả số tiên 84.600.000 đồng (Tám mươi bốn triệu sáu trăm ngàn đồng), không yêu cầu bồi thường thiệt hại và trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Đỗ Ngọc L trình bày: Bà L không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D. Vào ngày 25/9/2017, bà L thừa nhận có nhận tiền của bà D để chuyển cho bà Phạm Thị Phượng L, số tiền đã nhận là 84.600.000 đồng (Tám mươi bốn triệu sáu trăm ngàn đồng). Lúc bà L nhận tiền từ bà D thì bà D có đưa cho bà Loan giấy tập học trò bên trên có ghi sẵn nội dung bằng bút mực màu tím, bà L ghi vào đó "chị nhận đủ" (là tôi nhận đủ số tiền 84.600.000 đồng). Lúc bà D đưa cho bà L ký nhận đã nhận tiền thì không có các chữ viết bằng bút mực xanh. Bà L không ký tên như trong giấy mà bà D nộp tại buổi hòa giải này. Bà L không yêu cầu Tòa án giám định chữ ký trên giấy đó. Ngoài ra bà L không nhận của D số tiền nào khác nữa. Cùng ngày 25/9/2017 bà L giao tiền và tờ giấy lịch mà bà L đã nhận của D đưa cho bà L. Bà L xác định bà không tham gia chơi hụi. Bà L xác định số tiền 84.600.000 đồng mà bà L nhận từ bà D giao vào ngày 25/9/2017 là tiền choàng hụi. Vào ngày 25/9/2017 bà Phan Thị H (thường gọi là X) có khui dây hụi 5.000.000 đồng, bà L chơi chung dây hụi này. Lúc đó hụi kêu 1.300.000 đồng bà A hốt không được nên bà A nhờ bà L nói với bà D choàng hụi nhưng đứng tên hụi là bà A. Bà L có nói với bà D là choàng hụi cho người chơi dây hụi khui hụi ngày 25/9/2017, bà D có nói là choàng giá 1.800.000 đồng hỏi người ta có chịu không thì bà D choàng (lúc đó bà L gọi điện thoại cho bà D và có A ngồi cạnh bà L nhưng chỉ nghe D và L trao đổi chứ không tham gia nói chuyện với D) bà L nói với A choàng hụi giá 1.800.000 đồng là cao quá. Bà A nói để về nhà suy nghĩ lại, ngày hôm sau bà A đồng ý giá choàng hụi là 1.800.000 đồng nên bà L gọi điện thoại trả lời với bà D là đồng ý để bà Dchoàng hụi giá 1.800.000 đồng (bà Phạm Thị Phương A, địa chỉ: 119B/32/18 đường Nguyễn Thị Tần, Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Nguyễn Thị Hồng D, địa chỉ: 119/118/16T1 Nguyễn Thị Tần, Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh). Bà D đồng ý choàng hụi cho bà A với số tiền là 84.600.000 đồng nhưng hai bên không lập giấy tờ gì. Bà L là người đứng ra thay bà A nhận số tiền 84.600.000 đồng từ bà D. Cùng ngày, sau khi nhận số tiền trên của bà D thì bà L đã giao đủ số tiền nêu trên cho bà A và không làm giấy tờ gì giữa bà L và bà A. Còn số tiền hụi sống mà bà D trình bày là số tiền bà D giao cho người chủ hụi tên là Phan Thị H (tên thường gọi: X), địa chỉ 119B/32/10T Nguyễn Thị Tần, Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh và theo bà L được biết số tiền hụi sống của 02 dây hụi của 02 phần là 7.400.000 đồng chứ bà D không giao cho bà L.

Khoảng 01 tháng sau, bà A bỏ trốn đi khỏi địa phương thì bà D yêu cầu bà L ký tên vào tờ giấy tập để xác nhận là ngày 25/9/2017 bà A chưa đóng hụi tháng 10/2017 cho bà D. Ngoài ra, bà L không ký nhận bất cứ văn bản, giấy tờ nào khác.

Nay bà D yêu cầu bà L có trách nhiệm thanh toán số tiền hụi mà bà Dđã nhận choàng thay cho bà A là 98.400.000 đ (chín mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng), không yêu cầu tính lãi thì bà L không đồng ý vì bà L không tham gia chơi hụi mà chỉ đứng ra nhận tiền thay cho bà A. Bà L khẳng định không có nợ tiền gì của bà D, bà L không chơi hụi và không là chủ hụi trong dây hụi này. Bà L yêu cầu không triệu tập chồng của bà là ông Đinh Văn K tham gia tố tụng vì ông K không liên quan trong vụ án này.

Bà L trình bày không cung cấp được cho Tòa án: Các giấy tờ chứng minh việc bà Đỗ Ngọc L đã nhận tiền của bà Nguyễn Thị Hồng Dsố tiền 78.200.000 đồng (choàng hụi) và việc bà L đã giao tiền cho bà Phạm Thị Phượng A. Vì bà L nhận thay cho bà A từ bà D đưa, bà L giao tiền cho bà A không lập giấy tờ gì. Bà L nhận tiền từ bà D số tiền là 84.600.000 đồng, bà L lúc đó không ký giấy tờ gì với bà D. Bà L không có tài liệu, chứng cứ để cung cấp cho Tòa án về chứng cứ chứng minh bà Nguyễn Thị Hồng D biết việc bà Đỗ Ngọc L chỉ nhận tiền thay và giao số tiền đó lại cho bà Phạm Thị Phượng A. Mười bốn phần hụi họ và tên, địa chỉ cụ thể những người tham gia hụi khui ngày 25/9/2017 do bà Phan Thị H (tên thường gọi X) làm chủ hụi và chứng cứ bà L đã đóng tiền hụi (nếu có) thì bà L trình bày do bà L không chơi hụi nên không thể cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa, bà L xác nhận vào ngày 25/9/2017 bà L có nhận của bà D số tiền 84.600.000 đồng, mục đích đây là tiền choàng hụi cho đến nay bà L chưa trả số tiền 84.600.000 đồng cho bà D. Bà L yêu cầu bà A có trách nhiệm trả số tiền choàng hụi là 84.600.000 đồng cho bà D vì bà L chỉ đứng ra nhận tiền choàng hụi của bà D giao cho bà A người thật sự nợ tiền choàng hụi của bà D là bà L chứ không phải bà L. Bà L khẳng định bà D không biết số tiền bà D đưa cho bà L nhận là tiền choàng hụi cho bà A đối với dây hụi khui ngày 25/9/2017 do bà Phan Thị H làm chủ hụi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Phượng A trình bày: Bà A có tham gia chơi 02 dây hụi của X làm đầu thảo (X tên Phan Thị H, sinh năm 1963, địa chỉ:119B/32/10T Nguyễn Thị Tần, Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh) mỗi dây hụi là 14 phần, trong 02 dây hụi này có bà D cùng tham gia còn bà L không chơi hụi. Đến ngày 25/9/2017 là ngày mở hụi đầu tiên nhưng do giá tham gia hụi là 1.300.000 đồng nên bà A không đủ khả năng hốt hụi. Bà A nhờ bà L nói với bà D choàng hụi nhưng đứng tên hụi là cô A. Bà L có nói với bà D là choàng hụi cho người chơi chung dây hụi, bà D có nói là choàng giá 1.800.000 đồng hỏi người ta có chịu không thì bà D choàng (lúc đó bà L gọi điện thoại cho bà D và có A ngồi cạnh L nhưng chỉ nghe D và L trao đổi chứ không tham gia nói chuyện với D) bà L nói với bà A choàng hụi giá 1.800.000 đồng là cao quá. Bà A nói để suy nghĩ lại, ngày hôm sau bà A đồng ý giá choàng hụi là 1.800.000 đồng nên bà L gọi điện thoại trả lời với bà D là đồng ý để bà D choàng hụi giá 1.800.000

đồng. Cùng ngày 25/9/2017 Bà L giao cho bà A với số tiền là 84.600.000 đồng và kèm tờ giấy có nội dung ghi hụi choàng 15 tháng 2 phần."Hụi choàng 15T 2 phần. 14F x 3200 = 44.800.000. T (chủ hụi) 2.500.000 đ. 42.300.000đ x 2 phần = 84.600.000 đ. Chị L (25/9)". Bà A và bà L hai bên không lập giấy tờ gì. Đến nay số tiền bà A đã nhận của bà Loan là 84.600.000 đồng thì bà A vẫn chứ trả cho bà L và cũng không trả tiền cho ai khác.

Các buổi làm việc trước đây bà A khai là nhận tiền của bà L là 78.200.000 đồng nhưng nay bà L đã tìm thấy giấy ghi nhận bà A đã nhận số tiền 84.600.000 đồng thì bà A thừa nhận đã nhận của bà L số tiền 84.600.000 đồng. Bà A xác nhận số tiền bà đã nhận của bà L vào ngày 25/9/2017 là tiền choàng hụi. Nay tôi có ý kiến

Số tiền nợ choàng hụi là 84.600.000 đồng là nợ riêng cá nhân bà A không liên quan đến chồng là ông Diệp Đức P. Bà A yêu cầu Tòa án không triệu tập ông P tham gia vào trong vụ án này.

Tại phiên tòa, bà A xác nhận bà L không tham gia chơi hụi mà chỉ thay bà A đứng ra nhận thay số tiền là 84.600.000 đồng từ bà D. Nay do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên bà A xin được trả dần số tiền nợ choàng hụi là 84.600.000 đồng. Tại buổi hòa giải ngày hôm nay bà A xác nhận đã nhận tiền choàng hụi từ bà L với số tiền là 84.600.000 đồng đến nay vẫn chưa trả. Bà A xác định số tiền hiện nay bà A còn nợ là 84.600.000 đồng tiền choàng hụi nhận từ bà L. Bà A có trách nhiệm trả cho bà L số tiền choàng nợ hụi là 84.600.000 đồng, bắt đầu từ tháng 5/2020, mỗi tháng thanh toán 500.000 đồng lần lượt cho đến khi dứt nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H trình bày: Vào ngày 25/9/2017 bà H có khui dây hụi 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) gồm 14 phần. Bà H làm đầu thảo, những người tham gia trong dây hụi này gồm: Chị ba H chơi 01 phần, P chơi 01 phần, anh D chơi 02 phần, Qchơi 01 phần, Nguyễn Thị Hồng D chơi 01 phần, T chơi 01 phần, B chơi 01 phần, Nhớ chơi 01 phần, X chơi 01 phần, V chơi 01 phần, A chơi 02 phần, C chơi 01 phần. Trong quá trình khui hụi hàng tháng những người chơi hụi đến bỏ hụi và đóng hụi trực tiếp cho bà H, ngoài ra bà H không nhờ ai giao hụi và choàng hụi nếu không được bà Hđồng ý và bà H không có nhu cầu choàng hụi. Trong quá trình khui hụi và kết thúc dây hụi này vào tháng 10/2018 không ai choàng hụi thay ai. Bà H không rõ giữa chuyện giao và choàng hụi của chị D và A. A không đóng hụi và trốn thì tôi mới biết chuyện giữa hai người giao hụi mà thôi. Ngày 25/9/2017 bà A có đóng 7.300.000 đồng (02 phần hụi sống) lúc đó người bỏ hụi cao (là người được hốt) kêu hụi là 1.350.000 đồng. Cách thức chơi hụi, 25 dương lịch hàng tháng lúc 12 giờ bỏ hụi nhà chị Đỗ Ngọc L, tất cả 14 người trực tiếp đến nhà chị L vào ngày đầu khui hụi bỏ thăm hốt hụi, ai bỏ thăm giá cao nhất thì được hốt hụi, những người còn lại đóng tiền cho chủ hụi (đầu thảo) vào các ngày sau khi khui hụi đến ngày 27 đương lịch thì chủ hụi phải giao tiền cho người hốt hụi. ví dụ như kỳ hụi đầu tiên V là người được hốt hụi đầu đã kêu giá 1.350.000 đồng thì bà H đi gom hụi của 13 người còn lại mỗi phần là 3.650.000 đồng, đến kỳ hụi lần thứ hai thì người hốt hụi không tham gia bỏ thăm

hụi mà phải đóng hụi chết là 5.000.000 đồng còn những người khác (giống như khui hụi lần đầu) 13 người còn hụi sống tiếp tục đến nhà bà L lúc 12 giờ ngày 25 dương lịch tháng 10/2017 đến bỏ thăm và ai có thăm ghi số tiền cao nhất thì được hốt. Tháng 10/2017 A trốn thì 02 phần hụi đó bà H ôm và chơi 02 phần hụi của A, không còn chơi hụi nữa. Bà H không liên quan đến vụ án tranh chấp nợ hụi gì giữa bà D, bà L và bà A và tại phiên Tòa bà D thay đổi yêu cầu khởi kiện thì bà H khẳng định không liên quan và không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Diệp Đức P vắng mặt nhưng tại biên bản làm việc ngày 23/7/2019 và bản tự khai ngày 23/7/2019 ông Pkhai: Ông P và bà Phạm Thị Phượng A là vợ chồng, bà A tham gia chơi hụi với ai, nợ bao nhiêu tiền hụi ông P không biết và không liên quan cũng không nghe bà A nói cho ông P biết. Do đó đề nghị Tòa án không triệu tập ông P đến Tòa và ông P xin vắng mặt tất cả các buổi hòa giải, xét xử, giải quyết tại Tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn K đã được Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đương sự đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng đương sự không đến, do đó không có lời khai của đương sự tại Tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng D yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, yêu cầu bà Đỗ Ngọc L trả cho bà Nguyễn Thị Hồng D số tiền hụi mà bà D đã choàng là 98.400.000 (Chín mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng) không yêu cầu trả lãi. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Hồng D yêu cầu bà Đỗ Ngọc L trả lại số tiền là 84.600.000 (Tám mươi bốn triệu sáu trăm ngàn) đồng (không phải tiền hụi mà tiền bà Ltrực tiếp nhận của bà D) và trả một lần ngay sau khi Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Hồng D yêu cầu bà Đỗ Ngọc L trả lại số tiền là 84.600.000 (Tám mươi bốn triệu sáu trăm ngàn) đồng. Bà D khẳng định số tiền là 84.600.000 (Tám mươi bốn triệu sáu trăm ngàn) đồng không phải tiền hụi mà là tiền bà L trực tiếp nhận của bà D vào ngày 25/9/2017 và không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật đối với tranh chấp trên là tranh chấp đòi lại tài sản. Do bị đơn cư trú tại Quận 8 nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét ông Diệp Đức P, bà Phan Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[3] Xét Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý tranh chấp nợ hụi, trong quá trình giải quyết hồ sơ vụ án, các đương sự khai nhận, tại phiên Tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện không tranh chấp nợ hụi như đơn khởi kiện ban đầu mà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết cho Bà Nguyễn Thị Hồng D đòi lại số tiền mà bà D đã đưa cho bà L vào ngày 25/9/2017 là 84.600.000 đồng (Tám mươi bốn triệu sáu trăm ngàn đồng) không yêu cầu bồi thường thiệt hại và trả một lần ngay sau khi Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Bà D khẳng định số tiền 84.600.000 (Tám mươi bốn triệu sáu trăm ngàn) đồng không phải là tiền hụi. Qua lời trình bày của các đương sự: Bà Nguyễn Thị Hồng D, bà Đỗ Ngọc L, bà Phạm Thị Phượng A và bà Phan Thị H (người làm chủ hụi) xác định thì bà L hoàn toàn không chơi hụi đối với dây hụi 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) gồm 14 phần, ngày 25/9/2017 là kỳ khui hụi đầu tiên, do bà Phan Thị H làm đầu thảo. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng D và bị đơn bà Đỗ Ngọc L xác nhận vào ngày 25/9/2017 bà D đã giao cho bà L số tiền là 84.600.000 (Tám mươi bốn triệu sáu trăm ngàn) đồng bà L đã nhận đủ tiền và có ký nhận. Mục đích bà L nhận tiền của bà D là đưa cho bà Phạm Thị Phượng A để choàng hụi trong dây hụi, ngày 25/9/2017 là kỳ khui hụi đầu tiên đối với hụi 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) gồm 14 phần, mà bà Linh chơi 02 phần do bà Phan Thị H (X) làm chủ thảo.

Tại các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa bà Phạm Thị Phượng A thừa nhận có nhận tiền của bà Đỗ Ngọc L số tiền là 84.600.000 (Tám mươi bốn triệu sáu trăm ngàn) đồng nhưng không ký giấy tờ nhận tiền, bị đơn không có yêu cầu phản tố; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập, bà L không có yêu cầu gì đối với bà A trong vụ án này. Do đó, dành quyền ưu tiên cho bà Đỗ Ngọc L khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[4] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Hồng D có giao cho bà Đỗ Ngọc L số tiền là 84.600.000 (Tám mươi bốn triệu sáu trăm ngàn) đồng. Bà D đã liên lạc nhắc nhở rất nhiều lần nhưng bà L vẫn không trả cho bà D số tiền trên nên bà Nguyễn Thị Hồng D khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Ngọc L trả lại số tiền là 84.600.000 (Tám mươi bốn triệu sáu trăm ngàn) đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về Quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại: Nguyên đơn xác định không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

[6] Bà Đỗ Ngọc L phải chịu án phí trên tổng số tiền thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hồng D. Bà Nguyễn Thị Hồng D không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng

dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc bà Đỗ Ngọc L phải trả cho bà Nguyễn Thị Hồng D số tiền là 84.600.000 (Tám mươi bốn triệu sáu trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Đỗ Ngọc L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.230.000 (Bốn triệu hai trăm ba mươi ngàn) đồng.

Bà Nguyễn Thị Hồng D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.460.000 (Hai triệu bốn trăm sáu mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0019714 ngày 27/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Mỹ Tiên